

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 208/TTrSNNMT ngày 27/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Nhân Đạt Tiên, địa chỉ tại khu Dương Ổ, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu nhà ở dân cư dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Vân Dương và phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh (Nay là phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh)” tại phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu nhà ở dân cư dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Vân Dương và phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh (Nay là phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2300237934 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/10/2025

- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư dự án Khu nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu nhà ở dân cư dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Vân Dương và phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh (Nay là phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

1.4. Mã số thuế: 2300237934.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 0,812 ha.

- Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

+ Dự án có tiêu chí về môi trường Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và STT2, Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

* Quy mô công suất của dự án:

- Quy mô sử dụng đất

| STT | Tên loại đất | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------|-----------------------------|------------|
| | Tổng | 8.126,7 | 100 |
| 1 | Đất ở thương mại | 780,9 | 9,61 |
| 2 | Nhà ở xã hội | 3.424,5 | 42,14 |
| 3 | Cây xanh, sân chơi | 1.828,1 | 22,49 |
| 4 | Bãi đỗ xe ngoài trời | 423 | 5,21 |
| 5 | Đất giao thông + HTKT | 1.670,2 | 20,55 |

- Công trình nhà ở thương mại: Xây thô hoàn thiện mặt ngoài nhà ở thương mại liền kề gồm 09 lô đất có tổng diện tích 780,9m²; mật độ xây dựng khoảng 78,9 - 88,4%; tổng diện tích xây dựng khoảng 658,1m²; công trình cao 05 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 3.934,4m².

- Công trình nhà ở xã hội: Công trình có diện tích xây dựng khoảng

3.424,5m², cao 20 tầng nổi + 01 tầng hầm và tầng tum kỹ thuật; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 37.692,34 m² (đã bao gồm diện tích sinh hoạt chung, hầm để xe. Số lượng căn hộ dự kiến khoảng 288 căn hộ, diện tích 25m²-77m² (trong đó tỷ lệ căn hộ trong dự án có diện tích sử dụng trên 70m² không quá 10% tổng số căn hộ nhà ở xã hội trong dự án). Tầng hầm được thiết kế để xe và các công trình kỹ thuật; tầng 1, tầng 2 phục vụ kinh doanh thương mại dịch vụ, nhà trẻ, không gian sinh hoạt cộng đồng; từ tầng 3 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở.

- Không gian chức năng trong các tòa nhà gồm: Các căn hộ ở; diện tích kinh doanh dịch vụ, thương mại; không gian sinh hoạt cộng đồng; nhà trẻ; không gian để xe; các không gian công cộng, dịch vụ, kỹ thuật phục vụ chung cho cả tòa nhà. Hệ thống kỹ thuật công trình gồm: Hệ thống điện, chống sét, chiếu sáng; hệ thống thông tin truyền thông; hệ thống thu gom rác; hệ thống thông gió; hệ thống cấp nước và thoát nước; hệ thống phòng cháy chữa cháy,...

- Các hạng mục hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc...) và sân vườn cảnh quan trong phạm vi khu đất nhà ở xã hội (ký hiệu NOXH và NOTM) hoàn chỉnh đồng bộ.

- Quy mô dân số khoảng 1.188 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nhân Đạt Tiến được cấp Giấy phép môi trường:

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty TNHH Nhân Đạt Tiến có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm,

tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Sơn nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Nam Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu nhà ở dân cư dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Vân Dương và phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh (Nay là phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh)” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1133/QĐ-SNNMT ngày 12/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu nhà ở dân cư dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Vân Dương và phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh (Nay là phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh)”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; UBND phường Nam Sơn; Công ty TNHH Nhân Đạt Tiến và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT;
Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình nhà ở thương mại liền kề.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình nhà ở xã hội.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thuộc khu hạ tầng kỹ thuật dân cư dịch vụ (DCDV) Vân Dương - Nam Sơn thuộc khu phố Lãm Làng, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240m³/ngày đêm của dự án xả ra hệ thống thoát nước thuộc khu hạ tầng kỹ thuật DCDV Vân Dương - Nam Sơn.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2340072.65; Y = 407027.35 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰, múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 240 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sẽ xả ra hệ thống thoát nước thuộc khu hạ tầng kỹ thuật DCDV Vân Dương - Nam Sơn bằng phương thức tự chảy qua đường ống bê tông cốt thép (BTCT) D300 với chiều dài khoảng 25m.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột B, bảng 2 cụ thể như sau:

| STT | Các chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Tần suất quan trắc tự động, liên tục |
|-----|---|-------------|--------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|
| | | | QCVN 14: 2025/ BTNMT (cột B), bảng 2 | | |
| 1 | pH | - | 5 - 9 | Không thuộc đối tượng | Không thuộc đối tượng |
| 2 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | ≤ 35 | | |
| 3 | COD | mg/l | ≤ 90 | | |
| 4 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | ≤ 60 | | |
| 5 | Amoni (N-NH ₄ ⁺) (tính theo N) | mg/l | ≤ 8 | | |
| 6 | Tổng Nito (T-N) | mg/l | ≤ 30 | | |
| 7 | Tổng Phốt pho (T-P) | mg/l | ≤ 6 | | |
| 8 | Tổng Coliform | MPN/ 100ml | ≤ 5.000 | | |
| 9 | Sunfua (S ²⁻) | mg/l | ≤ 0,5 | | |
| 10 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | ≤ 15 | | |
| 11 | Chất hoạt động bề mặt anion | mg/l | ≤ 5 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

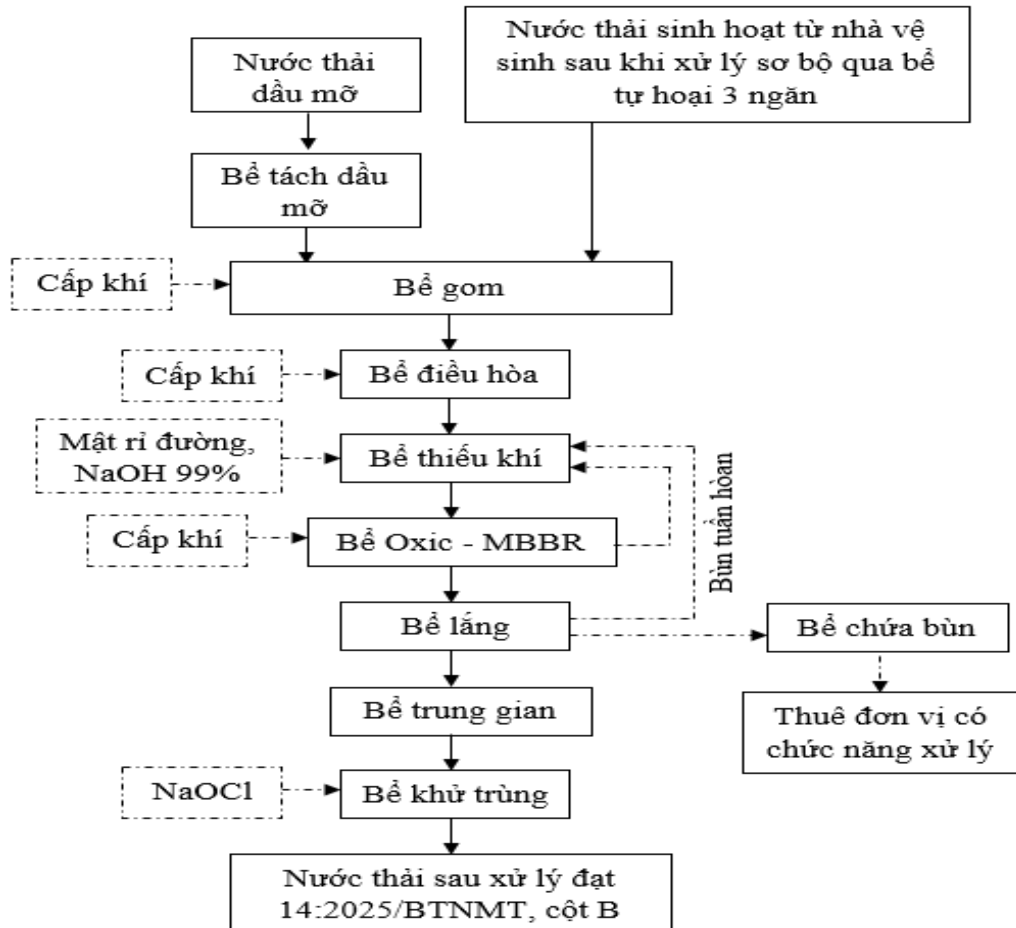
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các nhà ở thương mại liền kề được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại dung tích 5m³/bê/căn nhà) sau đó được thu gom bằng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép (BTCT) D300 với tổng chiều dài 165m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình nhà ở xã hội được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại dung tích 75m³/bê) sau đó được thu gom bằng hệ thống cống tròn BTCT D300 có tổng chiều dài khoảng 30m dẫn về hệ

thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm:



- Công suất thiết kế: 240 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (NaOCl); Mật ri đường; NaOH 99% hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Quan trắc, giám sát chất lượng nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất quy định để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục của các

hệ thống xử lý nước thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, kịp thời xử lý sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống theo hướng dẫn của đơn vị xây dựng, lắp đặt hệ thống.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; Trường hợp không thể khắc phục ngay, cần có kế hoạch tích nước thải tại chỗ hoặc có phương án nhằm hạn chế phát sinh nước thải tạm thời, thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo bảo xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số để đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2029 đến hết tháng 12/2029.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm.

- 01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả vào hệ thống thoát nước thuộc khu hạ tầng kỹ thuật DCDV Vân Dương - Nam Sơn.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

3.3. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Sơn để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn phát sinh khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 01 vị trí

- Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 107⁰⁰', múi chiếu 3⁰): X = 2340075.03; Y = 406997.34.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.200 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|-----|--------------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | | QCVN 19:2024/BTNMT cột B | | |
| 1 | Amoniac (NH ₃) | mg/Nm ³ | ≤ 20 | Không thuộc đối tượng | Không thuộc đối tượng |
| 2 | Hydro sunphua (H ₂ S) | mg/Nm ³ | ≤ 7 | | |
| 3 | Metyl mercaptan (CH ₃ SH) | mg/Nm ³ | ≤ 12 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Toàn bộ lượng khí thải phát sinh ở các bể của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm được thu gom qua tuyến ống uPVC D250 có chiều dài khoảng 13m vào hệ thống xử lý khí thải thông qua quạt hút có lưu lượng 1.200 m³/ giờ để xử lý sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Khoang hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH; vật liệu đệm hấp thụ) → Khoang hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình thiết kế.
- Định kỳ bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý khí thải của dự án.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố:

- Khi xảy ra sự cố, dừng ngay nguồn phát sinh khí thải để triển khai các biện pháp khắc phục, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục; triển khai các biện pháp phù hợp để khử các chất ô nhiễm trong môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường

2.3. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 240 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực B - Nhà ở: Nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ), QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực B – Nhà ở: Nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

| TT | Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA) | Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA) | Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------|-----------|
| 1 | 55 | 50 | 45 | Không thuộc đối tượng | Khu vực B |

3.2. Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|---|---------------------------|----------------------------|-----------|
| | Ngày (06:00 ~ trước 22:00) | Đêm (22:00 ~ trước 06:00) | | |
| 1 | 65 | 60 | Không thuộc đối tượng | Khu vực B |

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 300 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 17.152 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 390.258 kg/năm.

- Bùn thải dự kiến phát sinh từ các bể tự hoại khoảng 47,52m³/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 650 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho chứa CTNH: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 17m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa: Không bố trí

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống. Chủ dự án ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 17m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Nhân Đạt Tiến có trách nhiệm thực hiện:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

5. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Sơn trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

7. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.